

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 6 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 13, TẠI ĐẢNG BỘ TPTN**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Đào Thị Kim Anh	1	06	8.0	Tám	
2	Lê Thị Chanh	2	73	7.5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Thành Chung	3	47	8.0	Tám	
4	Nguyễn Thị Thùy Dung	4	19	8.0	Tám	
5	Vũ Thị Thùy Dương	5	23	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Duyên	6	37	8.0	Tám	
7	Vũ Đình Đề	7	08	7.0	Bảy	
8	Hoàng Văn Điệp	8	45	7.5	Bảy rưỡi	
9	Đỗ Minh Đức	9	35	7.5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Minh Đức	10	03	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lê Thị Giang	11	09	7.0	Bảy	
12	Trần Thị Hương Giang	12	-	-	-	Vắng thi
13	Nguyễn Thị Hải Hà	13	14	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lương Thị Thu Hà	14	68	7.0	Bảy	
15	Hà Văn Hải	15	60	6.5	Sáu rưỡi	
16	Ngô Thị Hạnh	16	70	8.0	Tám	
17	Hà Thị Hằng	17	11	8.0	Tám	
18	Phạm Thị Thu Hằng	18	63	7.5	Bảy rưỡi	
19	Vũ Thị Thu Hằng	19	28	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trần Thị Hảo	20	65	8.0	Tám	
21	Lê Thị Thúy Hiền	21	27	8.0	Tám	
22	Nguyễn Thanh Hiền	22	17	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	23	10	7.5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Minh Huệ	24	33	8.0	Tám	
25	Nguyễn Anh Hùng	25	61	7.5	Bảy rưỡi	
26	Hoàng Thị Hưng	26	69	7.5	Bảy rưỡi	
27	Trịnh Thị Thu Hương	27	64	7.5	Bảy rưỡi	
28	Trần Thị Hương	28	24	8.0	Tám	
29	Phùng Thị Huyền	29	43	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	30	57	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thanh Huyền	31	48	7.5	Bảy rưỡi	
32	Hà Quang Khánh	32	42	7.0	Bảy	
33	Vũ Chí Kiên	33	49	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đoàn Thị Nhật Linh	34	21	8.0	Tám	
35	Trần Thị Diệu Linh	35	72	7.5	Bảy rưỡi	
36	Trần Thị Tuyết Loan	36	56	7.5	Bảy rưỡi	
37	Phùng Thị Thanh Loan	37	32	8.0	Tám	
38	Đỗ Thị Hồng Nga	38	31	7.5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Thị Thúy Nga	39	66	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Bích Ngọc	40	01	8.0	Tám	
41	Phạm Chí Nguyên	41	30	7.5	Bảy rưỡi	
42	Đinh Thị Nhài	42	59	7.5	Bảy rưỡi	
43	Cà Nguyễn Linh Phương	43	26	8.0	Tám	
44	Vũ Thị Thanh Phương	44	38	8.0	Tám	
45	Vũ Thị Minh Quý	45	20	8.0	Tám	
46	Lương Ngọc Quỳnh	46	71	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Huyền Sâm	47	29	8.0	Tám	
48	Nguyễn Hồng Thái	48	67	8.0	Tám	
49	Nông Thị Hồng Thắm	49	46	7.5	Bảy rưỡi	
50	Trịnh Đức Thắng	50	44	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Hoài Thanh	51	13	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
52	Vũ Quyết Thanh	52	34	7.5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Thị Thảo	53	18	8.0	Tám	
54	Trịnh Đức Thảo	54	25	7.5	Bảy rưỡi	
55	Ngô Thị Phương Thảo	55	58	7.5	Bảy rưỡi	
56	Vũ Thị Thơm	56	51	7.0	Bảy	
57	Ngô Thị Thu Thuận	57	50	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Trung Thường	58	12	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Hồng Thúy	59	07	7.5	Bảy rưỡi	
60	Lương Thị Thanh Thúy	60	62	8.0	Tám	
61	Dương Thị Thu Thủy	61	05	8.0	Tám	
62	Lê Thị Thủy	62	52	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Thủy	63	54	7.0	Bảy	
64	Trần Mạnh Thủy	64	36	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Văn Trọng	65	55	7.5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Xuân Trường	66	40	7.5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Anh Tuấn	67	04	7.5	Bảy rưỡi	
68	Phạm Quang Tùng	68	53	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Tuyết	69	15	8.0	Tám	
70	Nguyễn Tiến Việt	70	02	8.0	Tám	
71	Nguyễn Hương Xoan	71	39	8.0	Tám	
72	Trần Thị Hải Yến	72	16	7.5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Đức Toàn	73	22	7.0	Bảy	
74	Đặng Quang Dũng	74	41	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Đình Chung

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên